

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ - ST

Ngày 21 tháng 12 năm 2017

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,*

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Ngọc và bà Lê Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không tham gia phiên tòa

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2017/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2017 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐST - HNGĐ ngày 22/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã X. L, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

+*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn* chị Hoàng Thị T:

Ông Trịnh Đình Hợp - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn L, sinh năm: 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã X. L, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

+*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn:* Hà Văn L (có mặt).

Bà: Hà Thị Nhàn - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương ngày 19/01/2005 đến ngày 29/7/2008 mới làm thủ tục ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. L, huyện T. X, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được 5 năm, từ năm 2010 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên

nhân là do tính tình không hợp, trong cuộc sống thường bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi cọ nhau, anh L thường uống rượu về có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chửi bới chị T. Hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương động viên, dàn xếp khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Chị T phải gửi con về bên ngoại một thời gian để đi làm ăn kiếm tiền nuôi con và trả nợ thì anh L lại gọi về làm đơn ly hôn nhưng khi chị T về thì anh L lại không muốn ly hôn mà đánh chị, nên chị đã về nhà bố mẹ để ở từ tháng 05/2017 đến nay và cũng từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L có 02(hai) con chung là Hà Văn D, sinh ngày 17/3/2006 và Hà Văn P, sinh ngày 26/7/2008. Hiện nay các cháu đang ở với chị T chăm sóc. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án chia mỗi người nuôi một con và các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hà Văn L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hà Văn L đồng ý với phần trình bày của chị T về phần kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng khó khăn về kinh tế nên từ tháng 05/2016 chị T đi làm ăn tại Hà Nội đến tháng 05/2017 chị T mới về, khi về đến nhà lại không quan tâm gì đến chồng con. Chị T đã bỏ về bên ngoại ở từ tháng 05/2017 đến nay và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn bản thân anh L cũng không muốn ly hôn vì thương con, nhưng chị T quyết tâm ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Hà Văn D, sinh ngày 17/3/2006 và Hà Văn P, sinh ngày 26/7/2008. Vợ chồng ly hôn anh L xin nuôi cả hai con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của nguyên đơn chị Hoàng Thị T cho rằng: Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Hà Văn D, sinh ngày 17/3/2006 và Hà Văn P, sinh ngày 26/7/2008. Các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Hoàng Thị T, đề nghị HĐXX xem xét đến nguyện vọng của các cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; Áp dụng Điều khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của bị đơn anh Hà Văn L cho rằng: Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc cấp. Quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh Hà Văn L và chị Hoàng Thị T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung là Hà Văn D, sinh ngày 17/3/2006 và Hà Văn P, sinh ngày 26/7/2008. Quá trình hòa giải tại Tòa án cả anh L và chị T mong muốn được nuôi hai cháu và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của các con là muốn được ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết về con cái theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Việc khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Hà Văn L để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn anh L có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

{2}. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị T là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L đã kéo dài nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp anh L đi uống rượu về hay chửi bới, xúc phạm chị T. Gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương đã khuyên giải, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể quay lại đoàn tụ được với nhau, chị T và anh L đã ly thân từ tháng 5/2017 đến nay, tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L ly hôn là phù hợp.

{3}. *Về con chung:* Nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Hà Văn L có 02 (hai) con chung là Hà Văn D, sinh ngày 17/03/2006 và cháu Hà Văn P, sinh ngày 26/7/2008. Chị T và anh L đều có nguyện vọng xin nuôi cả hai con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị T và anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng đó của chị và anh là hoàn toàn chính đáng. Hiện tại hai cháu Hà Văn D và cháu Hà Văn P đang trong độ tuổi đi học. Do đó rất cần sự quan tâm chăm sóc ăn học cho cả hai cháu. Tuy nhiên hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, nhưng xét thấy cháu D và cháu P đều học trường gần nhau nơi cả chị T và anh L sinh sống. Chị T và anh L đều là người lao động có thu nhập ổn định, việc giao cả hai con cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng và bên không nuôi dưỡng có nghĩa vụ cấp dưỡng là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Vì vậy thấy cần thiết giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp. Căn cứ khoản 1,2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD năm 2014. Giao cho mỗi người nuôi một con, không

bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

{4}. *Về tài sản chung; nợ chung*: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

{5}. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

- *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn L được ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cháu Hà Văn D, sinh ngày 17/3/2006 cho chị Hoàng Thị T, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hà Văn P, sinh ngày 26/7/2008 cho anh Hà Văn L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp theo biên lai số 0003131 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/12/2017), anh Hà Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH. Thường Xuân;
- Các đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- UBND xã Xuân Lộc;
- Lưu HSVA.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Tâm

